

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **2503** /BTC-TCTHà Nội, ngày **11** tháng **3** năm 2021

V/v lấy ý kiến về dự thảo
Thông tư hướng dẫn áp dụng
APA trong quản lý thuế.

Kính gửi:

- Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 với hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 936/QĐ-TTg về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế (*Bản thuyết minh và dự thảo thông tư gửi kèm theo*).

Kính đề nghị Quý đơn vị có ý kiến tham gia cụ thể vào nội dung tại dự thảo thông tư nêu trên để Bộ Tài chính tổng hợp hướng dẫn kịp thời. Ý kiến tham gia xin gửi bằng văn bản về Bộ Tài chính (*Tổng cục Thuế - số 123 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội*), bản mềm gửi về địa chỉ hòm thư điện tử dtduong01@gdt.gov.vn trước ngày **15** tháng **3** năm 2021.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, TCT (VT, DNL (2b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Xuân Hà**

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
ngày 10/3/2021

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định
giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế**

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 12 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (sau đây được gọi tắt là APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế (sau đây được gọi chung là người nộp thuế), thực hiện giao dịch với các bên có quan hệ liên kết (sau đây được gọi tắt là giao dịch liên kết) và đề nghị áp dụng APA đối với các giao dịch được quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp tổ chức, đơn vị có giao dịch liên kết với người nộp thuế có mối quan hệ là cơ sở thường trú và trụ sở chính của doanh nghiệp nước ngoài, thì trong phạm vi mục đích áp dụng APA đối với các giao dịch liên kết này, mỗi một cơ sở thường trú sẽ được xem là độc lập và hoàn toàn tách biệt khỏi doanh nghiệp nước ngoài hay các cơ sở thường trú khác của doanh nghiệp nước ngoài đó.

2. Cơ quan thuế bao gồm: Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng APA trong quản lý thuế.

Điều 3. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA

1. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA là các giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Người nộp thuế được quyền đề nghị một hoặc nhiều giao dịch liên kết để áp dụng APA. Người nộp thuế có thể gộp chung nhiều giao dịch liên kết có tính chất phụ thuộc lẫn nhau thành giao dịch tổng thể để phản ánh tính khách quan phù hợp với quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

2. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA theo quy định tại khoản 1 Điều này cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Giao dịch không liên quan đến thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về ưu đãi miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp có thu nhập được miễn thuế và thu nhập không được miễn thuế theo quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không liên quan đến thu nhập được miễn thuế để làm căn cứ xác định các giao dịch đề nghị áp dụng APA theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi miễn thuế trên tổng doanh thu của doanh nghiệp.

b) Giao dịch có đủ thông tin, tài liệu để xác định bản chất giao dịch liên kết phù hợp nguyên tắc phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

c) Giao dịch tìm kiếm được số lượng đối tượng so sánh độc lập để xác định khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn phù hợp theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ từ nguồn cơ sở dữ liệu thương mại có sự kiểm chứng đảm bảo tính pháp lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

d. Giao dịch thực tế đã phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế và sẽ tiếp tục diễn ra trong giai đoạn đề nghị áp dụng APA, mà kết quả xác định mức giá hoặc tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế liên quan đến giao dịch đó không có biến động mang tính trọng yếu giữa các năm tính thuế trong giai đoạn trước khi nộp hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức so với giai đoạn đề nghị áp dụng APA và phù hợp với các quy định về phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết.

đ) Giao dịch có nghĩa vụ thuế phát sinh từ giao dịch không thuộc đối tượng giải quyết tranh chấp, khiếu nại về vi phạm hành chính về thuế; giao dịch không thuộc trường hợp được sắp xếp nhằm mục đích trốn, tránh thuế hoặc lợi dụng Hiệp định thuế.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích tại Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “APA đơn phương” là APA được đàm phán và ký kết giữa cơ quan thuế Việt Nam và người nộp thuế đứng đơn đề nghị áp dụng APA.

2. “APA song phương” là APA được đàm phán và ký kết giữa cơ quan thuế Việt Nam, người nộp thuế và một cơ quan thuế đối tác có liên quan đến việc xác

định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đứng đơn đề nghị áp dụng APA trên cơ sở Hiệp định thuế.

3. “APA song phương” là APA được đàm phán và ký kết giữa cơ quan thuế Việt Nam, người nộp thuế và một cơ quan thuế đối tác có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đứng đơn đề nghị áp dụng APA trên cơ sở Hiệp định thuế.

4. “Tính trọng yếu” là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu) được sử dụng trong hồ sơ áp dụng APA và quá trình thực hiện APA. Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu tính chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định của các bên tham gia trong APA.

Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét cả trên phương diện định lượng, định tính và được thực hiện theo văn bản pháp luật hướng dẫn về Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 320 “Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán” ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính.

5. “Nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam” là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Tổng cục Thuế là người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế là đầu mối và kênh liên lạc (tiếp nhận và gửi các văn bản, thông báo) giữa cơ quan thuế Việt Nam và (các) cơ quan thuế đối tác trong quá trình giải quyết hồ sơ áp dụng và giám sát thực hiện APA song phương, đa phương.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng APA

1. APA được áp dụng trên nguyên tắc cơ quan thuế và người nộp thuế (là đối tượng áp dụng của APA) hoặc cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế là đối tác ký kết Hiệp định thuế và người nộp thuế cùng hợp tác trao đổi, đàm phán về việc áp dụng các quy định pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối

với các giao dịch liên kết thuộc phạm vi APA trên cơ sở áp dụng nguyên tắc giao dịch độc lập.

2. Việc áp dụng APA nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế phù hợp với nguyên tắc phân tích, so sánh với các giao dịch độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của người nộp thuế như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập và ngăn ngừa việc đánh thuế trùng và trốn lậu thuế, giảm thiểu tranh chấp về xác định giá của giao dịch liên kết. Trong thời gian đàm phán APA, người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế theo quy định pháp luật hiện hành.

3. APA được thực hiện trên cơ sở đề nghị áp dụng APA chính thức của người nộp thuế cùng với các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết do người nộp thuế cung cấp đầy đủ, chính xác theo quy định tại Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Hồ sơ đề nghị áp dụng APA được lập thành 01 bản và viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt; trường hợp hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương và đa phương thì ngôn ngữ tiếng Việt là ngôn ngữ chính và có bản dịch bằng tiếng Anh; đối với các tài liệu gốc được viết bằng ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh (đối với hồ sơ APA song phương, đa phương) gửi kèm bản tài liệu gốc. Người nộp thuế ký tên, đóng dấu trên bản dịch được công chứng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch. Ngoài hồ sơ được nộp bằng văn bản, người nộp thuế phải cung cấp các tài liệu trong hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử (bản mềm).

Nếu hồ sơ có khối lượng tài liệu đính kèm quá lớn (ví dụ danh sách các công ty được lựa chọn để phân tích so sánh, xác định biên độ giá...), không hợp lý khi in và dịch toàn bộ nội dung sang tiếng Việt để gửi cùng hồ sơ đề nghị áp dụng APA, người nộp thuế phải tóm tắt nội dung bằng ngôn ngữ tiếng Việt, giải trình lý do và

nêu rõ địa điểm và phương thức lưu giữ tài liệu để cơ quan thuế có thể tiếp cận và tìm hiểu khi có yêu cầu, đồng thời gửi kèm trong hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử (bản mềm). Định dạng dữ liệu phải đảm bảo có thể tính toán được phục vụ cho việc thẩm định, đàm phán APA theo quy định.

Đối với hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương hoặc APA đa phương, nội dung thông tin, dữ liệu hồ sơ được nộp cho cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài trong suốt quá trình giải quyết đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế phải tương tự như nhau và đảm bảo đầy đủ các thông tin, dữ liệu được quy định tại Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các văn bản APA là tiếng Việt; trường hợp APA song phương hoặc đa phương sẽ được sử dụng thêm bản dịch tiếng Anh.

4. Việc phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập và phương pháp được sử dụng để so sánh, xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi áp dụng của APA được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ. Việc lựa chọn phương pháp xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi áp dụng APA căn cứ vào bản chất và phương pháp tính hơn là tên gọi của phương pháp.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết hồ sơ APA

1. Bộ Tài chính phê duyệt dự thảo APA (bao gồm APA lần đầu, APA sửa đổi, thỏa thuận gia hạn APA); phê duyệt việc thu hồi, hủy bỏ APA.

Việc phê duyệt dự thảo APA song phương hoặc APA đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

2. Tổng cục Thuế thực hiện:

a) Tiếp nhận đề nghị áp dụng APA và hồ sơ của người nộp thuế, thẩm định, trao đổi, đàm phán APA (bao gồm APA lần đầu, APA sửa đổi, thỏa thuận gia hạn APA), dự thảo APA, đề xuất việc hủy bỏ hoặc thu hồi APA để trình Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức ký kết và lưu hành APA.

Trong trường hợp APA đơn phương, các bên tham gia ký kết APA gồm có đại diện Tổng cục Thuế và đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

Trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương, các bên tham gia ký kết APA gồm có Tổng cục Thuế, đại diện nhà chức trách có thẩm quyền của cơ quan thuế đối tác và đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

c) Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các APA đã được ký kết.

3. Cục Thuế các tỉnh, thành phố tham gia đàm phán và giám sát việc thực hiện APA, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các APA đã được ký kết theo chức năng, nhiệm vụ của Cục Thuế.

Điều 7. Thông tin, dữ liệu sử dụng trong giải quyết đề nghị áp dụng APA

1. Thông tin tài chính và dữ liệu của người nộp thuế dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập có uy tín.

2. Cơ sở dữ liệu được lựa chọn để phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để so sánh, xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi đề nghị áp dụng APA được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và quy định về cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

3. Cơ sở dữ liệu thương mại được sử dụng cho mục đích phân tích so sánh, xác định khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn của các giao dịch liên kết thuộc phạm vi APA phải là các thông tin tài chính và dữ liệu của doanh nghiệp được thu

thập, tập hợp, chuẩn hóa, cập nhật dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập, báo cáo thường niên của doanh nghiệp do các tổ chức kinh doanh dữ liệu thu thập từ các nguồn thông tin công khai và các bên liên quan đều có thể truy cập.

4. Việc lựa chọn dữ liệu so sánh khi phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để so sánh, xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi áp dụng APA được thực hiện theo các nguyên tắc phân tích so sánh, các phương pháp xác định giá giao dịch liên kết và thứ tự ưu tiên lựa chọn dữ liệu so sánh quy định tại văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết.

Điều 8. Phạm vi thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng APA

1. Thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng APA là việc cơ quan thuế thực hiện đánh giá, kiểm tra và xác định tính đầy đủ, khách quan về hồ sơ, thông tin do người nộp thuế cung cấp để đưa ra bản đánh giá về phương pháp xác định giá giao dịch liên kết, đối tượng so sánh được lựa chọn phù hợp cho việc xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận đối với các giao dịch thuộc phạm vi đề nghị áp dụng APA làm cơ sở trao đổi, đàm phán với người nộp thuế và cơ quan thuế đối tác (khi cần thiết). Nội dung thẩm định chủ yếu gồm có:

a) Xác định, đánh giá và đối chiếu giữa thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp với thông tin, dữ liệu thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư vốn, thực hiện chế độ kế toán...;

b) Xác định, đánh giá và thu thập thông tin, bằng chứng về việc phân tích chức năng, tài sản (bao gồm nhưng không hạn chế đối với việc sử dụng, khai thác các cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh, việc phân bổ và thanh toán các chi phí chung...) và rủi ro mà người nộp thuế phải chịu trong quá trình kinh doanh (bao gồm nhưng không hạn chế đối với việc: xác định quy mô, mức độ rủi ro hàng tồn kho, rủi ro về tín dụng, thanh toán...);

c) Xác định, đánh giá và thu thập thông tin, bằng chứng có liên quan đến việc phân tích so sánh (bao gồm cả việc xác định, tìm kiếm các thông tin về khách

hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh của người nộp thuế) và việc xác định, lựa chọn phương pháp xác định giá của giao dịch liên kết, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh của người nộp thuế;

d) Xác định, kiểm tra và đánh giá những thông tin, dữ liệu cần thiết phải thu thập từ các bên thứ ba (bao gồm cả việc trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài);

đ) Thu thập thông tin và đánh giá tính hợp lý của các giả định quan trọng.

2. Trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng APA, Tổng cục Thuế áp dụng các biện pháp sau nếu cần thiết:

a) Yêu cầu người nộp thuế và tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp, giải trình thông tin hoặc tiến hành làm việc với người nộp thuế để xác nhận, khẳng định thông tin, dữ liệu có liên quan đến hồ sơ đề nghị áp dụng APA;

b) Khảo sát thực tế tại trụ sở của người nộp thuế, bao gồm cả các cơ sở kinh doanh tại các địa điểm khác nhau có liên quan của người nộp thuế.

3. Quá trình tham vấn, làm việc hoặc khảo sát thực tế tại trụ sở người nộp thuế được cơ quan thuế và người nộp thuế lập thành Biên bản ghi nhận kết quả.

4. Trường hợp đối với hồ sơ áp dụng APA song phương hoặc đa phương, nếu cơ quan thuế đối tác yêu cầu người nộp thuế cung cấp, giải trình thông tin, dữ liệu (không phân biệt thông tin, dữ liệu thuộc hồ sơ nộp ban đầu hay bổ sung), người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp các tài liệu này cho Tổng cục Thuế nhằm đảm bảo nhà chức trách có thẩm quyền của các cơ quan thuế tham gia trong APA đều được cung cấp thông tin tương tự nhau và đủ để giải quyết hồ sơ.

5. Trường hợp trong quá trình giải quyết hồ sơ, Tổng cục Thuế cần thiết phải thực hiện trao đổi thông tin với cơ quan thuế đối tác thì người nộp thuế cũng sẽ được thông báo khái quát về nội dung thông tin được trao đổi và thông tin khi tiếp nhận sẽ được sử dụng làm tài liệu, bằng chứng trong đàm phán, ký kết APA trừ

trường hợp thông tin thuộc diện không được tiết lộ cho người nộp thuế theo quy định của điều khoản trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế.

Điều 9. Phạm vi trao đổi, đàm phán nội dung APA

1. Trao đổi, đàm phán nội dung APA là việc cơ quan thuế thực hiện các hình thức tổ chức họp, gặp mặt trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, truyền hình trực tuyến hoặc bằng trao đổi văn bản qua thư tín với người nộp thuế hoặc cơ quan thuế đối tác về các nội dung liên quan đến đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế, cụ thể:

a) Trường hợp APA đơn phương: Nội dung trao đổi, đàm phán là bản quan điểm của Tổng cục Thuế về đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế.

b) Trường hợp APA song phương, đa phương: Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm liên lạc với nhà chức trách có thẩm quyền của cơ quan thuế đối tác về việc tiến hành thảo luận, đàm phán APA theo điều khoản thủ tục thỏa thuận song phương của Hiệp định thuế có liên quan bao gồm việc trao đổi bản quan điểm của từng cơ quan thuế về đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế.

2. Trong quá trình đàm phán song phương, đa phương giữa các cơ quan thuế có liên quan, trường hợp cần thiết và được Tổng cục Thuế và nhà chức trách có thẩm quyền của cơ quan thuế đối tác nhất trí, người nộp thuế có thể cử đại diện tham dự theo thư mời của cơ quan thuế để cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc giải trình về các vấn đề liên quan.

Cơ quan thuế có thể thông báo các thông tin tóm tắt về tiến độ, kết quả đàm phán cho người nộp thuế; đồng thời có thể yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, dữ liệu hoặc giải trình các nội dung có liên quan.

3. Trong từng trường hợp cụ thể, nếu việc tiếp tục đàm phán APA không đáp ứng được nguyên tắc áp dụng APA quy định tại Điều 5 Thông tư này, hoặc trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế hoặc của cơ quan thuế nước ngoài về việc dừng đàm

phán APA, Tổng cục Thuế thông báo cho người nộp thuế (đối với APA đơn phương) hoặc cho người nộp thuế và thông báo hoặc xác nhận với cơ quan thuế nước ngoài (đối với APA song phương hoặc đa phương) về việc dừng đàm phán APA.

Điều 10. Việc tham gia của chuyên gia độc lập

Cơ quan thuế và người nộp thuế có quyền mời hoặc thuê chuyên gia độc lập là người có kỹ năng, kiến thức phù hợp với nội dung APA để tham gia thảo luận, đàm phán hoặc xây dựng tài liệu giải trình, giải thích các vấn đề có liên quan trong quá trình giải quyết, trao đổi hoặc đàm phán APA. Ý kiến tham gia của chuyên gia độc lập được cơ quan thuế sử dụng là nguồn thông tin tham khảo và không có tính chất ràng buộc pháp lý.

Chuyên gia độc lập có quyền được tiếp cận hồ sơ, thông tin, tài liệu trong quá trình giải quyết hồ sơ APA và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và theo ràng buộc tại hợp đồng dân sự do người nộp thuế hoặc cơ quan thuế ký với chuyên gia.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

1. Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác các thông tin, dữ liệu cho cơ quan thuế trong quá trình tham vấn (nếu có), nộp hồ sơ chính thức, thẩm định, đàm phán, ký kết, thực hiện APA cũng như trong quá trình giải quyết đề nghị gia hạn, sửa đổi APA theo quy định tại Điều 97 Luật Quản lý thuế. Người nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của những thông tin này.

2. Người nộp thuế có nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ, chứng từ liên quan trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện APA và cung cấp cho cơ quan thuế khi có yêu cầu.

3. Người nộp thuế có trách nhiệm lập và nộp các báo cáo thường niên cho từng năm tính thuế và báo cáo đột xuất cho giai đoạn hiệu lực của APA đã ký kết theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

4. Người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế trong quá trình thực hiện APA đã ký sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định hiện hành.

5. Trong thời gian thực hiện APA, người nộp thuế thực hiện **việc điều chỉnh** thu nhập chịu thuế phù hợp với mức giá hoặc tỷ suất lợi nhuận đã được quy định tại APA để thực hiện khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

6. Trường hợp trong khi thực hiện APA đơn phương nếu có phát sinh việc đánh thuế trùng hoặc có sự điều chỉnh về thu nhập chịu thuế dẫn đến bất lợi cho người nộp thuế xuất phát từ quyết định của cơ quan thuế đối tác, người nộp thuế có quyền đề nghị nhà chức trách có thẩm quyền của cơ quan thuế thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định thuế để giải quyết bất lợi này.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế

1. Cơ quan thuế có trách nhiệm giám sát việc thực hiện APA của người nộp thuế theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Phạm vi giám sát thực hiện APA bao gồm:

a) Xác định thực tế việc chấp hành các quy định tại APA đã ký (bao gồm cả phương pháp xác định giá giao dịch liên kết);

b) Kiểm tra việc khai, nộp thuế và điều chỉnh thu nhập chịu thuế theo các quy định tại APA;

c) Kiểm tra, xác định thông tin báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất do người nộp thuế báo cáo phù hợp với thực tế phát sinh.

2. Việc giám sát của cơ quan thuế không nhằm mục đích đánh giá hoặc thẩm định lại APA đã ký kết.

Điều 13. Bảo mật thông tin

1. Cơ quan thuế, người nộp thuế và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu được sử dụng trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ APA theo quy định về bảo mật thông tin người nộp thuế tại Điều 99 Luật Quản lý thuế.

2. Trường hợp hồ sơ APA bị dừng đàm phán, bị rút đơn, bị hủy bỏ hoặc bị thu hồi thì các thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp tại hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức, cung cấp theo yêu cầu, báo cáo APA thường niên, báo cáo đột xuất sẽ không được cơ quan thuế sử dụng làm chứng cứ hay chứng từ để phục vụ các mục đích kiểm tra, thanh tra hay ấn định thuế của người nộp thuế.

Trường hợp các thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp tại hồ sơ đề nghị áp dụng APA là các thông tin, dữ liệu đã được người nộp thuế công khai thì cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Điều 14. Hiệu lực APA

1. APA đã ký kết sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc với cơ quan thuế và người nộp thuế khi các quy định và ràng buộc nêu tại APA được người nộp thuế chấp hành đầy đủ.

2. APA đã ký kết có hiệu lực trong thời gian tối đa 03 năm tính thuế kể từ thời điểm có hiệu lực của APA. Thời điểm có hiệu lực của APA được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Thời gian có hiệu lực của APA có thể được điều chỉnh trong trường hợp APA được gia hạn, sửa đổi, hủy bỏ hoặc thu hồi theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021, thay thế Thông tư số 201/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, DNL).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

BỘ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH CĂN CỨ XÂY DỰNG THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG APA TRONG QUẢN LÝ THUẾ VÀ CÁC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN TẠI THÔNG TƯ

I. Sự cần thiết ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính

1. Báo cáo tình hình thực hiện Thông tư số 201/2013/TT-BTC

Cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) bắt đầu được thực hiện tại Việt Nam từ năm 2014 dựa trên quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 (Luật Quản lý thuế sửa đổi số 21) được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

Ngày 20/11/2012, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13, trong đó đã phê duyệt việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với các giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết. Theo quy định tại Luật QLT sửa đổi thì APA *“là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập cho một thời hạn nhất định, trong đó xác định cụ thể các căn cứ tính thuế, phương pháp xác định giá tính thuế hoặc giá tính thuế theo giá thị trường”*.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Luật Quản lý thuế sửa đổi số 21/2012/QH13 nêu trên, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành các nội dung hướng dẫn để triển khai thực hiện cơ chế này. Cụ thể tại khoản 3 và khoản 4 Điều 36 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Quản lý thuế sửa đổi, Chính phủ quy định: *“Tổng cục Thuế tiếp nhận đề nghị ký kết APA, trao đổi, đàm phán với người nộp thuế hoặc cơ quan thuế nước ngoài có liên quan; tổ chức giám sát thực hiện APA”* và *“Bộ Tài chính quy định cụ thể việc áp dụng APA trong quản lý thuế, phê duyệt và giao Tổng cục Thuế ký kết APA”*. Tiếp theo, ngày 20/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2013/TT-BTC, trong đó quy định về quy trình, thủ tục đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế (NNT) và giải quyết đề nghị áp dụng APA, kiểm tra việc thực hiện APA đã được ký kết của các cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và Cục Thuế) theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý thuế sửa đổi số 21/2012/QH13 và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP nêu trên, cụ thể:

- Nguyên tắc thực hiện cơ chế APA là áp dụng quy định pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đối với các giao dịch liên kết trên cơ sở áp dụng nguyên tắc giao dịch độc lập theo giá thị trường. Việc thực hiện xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết thực hiện theo quy định pháp luật hướng dẫn về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Về thẩm quyền của các cơ quan chức năng, Thông tư số 201 đã quy định cụ thể như sau: *Bộ Tài chính phê duyệt phương án đàm phán, ký kết, sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA; Tổng cục Thuế là đơn vị tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đàm phán, ký kết, sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA và tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện APA; Cục thuế các tỉnh, thành phố tham gia đàm phán và tổ chức thực hiện APA theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của Cục thuế.*

Về lâu dài, việc thực hiện cơ chế APA là cần thiết vì đây là xu thế chung mà các cơ quan thuế các nước đều đang áp dụng hiệu quả để quản lý nguồn thu từ các giao dịch xuyên biên giới, đồng thời xét về nguyên tắc cơ chế này sẽ mang lại lợi ích cho cả NNT, và là cầu nối để Việt Nam hòa nhập với xu thế chung về thuế quốc tế trên thế giới. Mặt khác, cơ chế APA được quy định là một cơ chế tự nguyện, được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, xác lập dựa trên các thông tin dự kiến, kế hoạch của người nộp thuế. Tuy nhiên do đây vẫn là một cơ chế thuế mới, Việt Nam còn chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, nên cần thiết phải tiếp tục củng cố khung pháp lý phù hợp, có lộ trình thực hiện để hạn chế các rủi ro về số thu do việc APA được xác lập trên cơ sở các thông tin dự kiến, kế hoạch của người nộp thuế và các thông tin từ các nguồn dữ liệu khó kiểm chứng. Bên cạnh đó, cơ chế APA được quy định là một cơ chế tự nguyện, được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và quy định hiện hành chưa đưa ra được các nguyên tắc, giới hạn cần thiết cho phép cơ quan thuế có thể sàng lọc, lựa chọn các trường hợp phù hợp để giải quyết, tương xứng với nguồn lực của cơ quan thuế cũng như đảm bảo đạt được mục tiêu của chương trình này là nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế.

2. Sự thay đổi của hệ thống pháp luật có liên quan

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 13/6/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, trong đó tiếp tục có quy định về cơ chế APA nhất quán với quy định trước đây đã được đưa vào Luật Quản lý thuế sửa đổi số 21/2012/QH13. Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có thêm một số quy định mới mang tính định hướng quan trọng trong việc triển khai cơ chế này, bao gồm (i) cơ sở dữ liệu thương mại sử dụng trong việc giải quyết đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế và (ii) thẩm quyền trong việc phê duyệt thỏa thuận APA đối với các trường hợp cụ thể (APA đơn phương, APA song phương/đa phương) tại khoản 6 Điều 42 của Luật, cụ thể:

“6. Nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được quy định như sau:

a) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận đơn phương, song phương và đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ có liên quan;

b) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải dựa trên thông tin của người nộp thuế, cơ sở dữ liệu thương mại có sự kiểm chứng bảo đảm tính pháp lý;

c) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện; đối với các thỏa thuận song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.”.

Trên cơ sở quy định tại Luật Quản lý thuế nêu trên, tại Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Chính phủ đã quy định việc áp dụng cơ chế APA đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Các thủ tục hành chính liên quan đến việc đề nghị và giải quyết đề nghị áp dụng APA trước đây được quy định ở cấp Thông tư thì nay đã được đưa vào Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cụ thể gồm có các nội dung: Nộp hồ sơ chính thức; Đề nghị thực hiện Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP); Nghĩa vụ lập và nộp báo cáo APA; Thẩm quyền giải quyết APA; Các thủ tục sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA; Thời điểm hiệu lực của APA. Đồng thời giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc áp dụng cơ chế APA trong quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Bên cạnh đó, so với thời điểm Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2013/TT-BTC hướng dẫn việc áp dụng APA trong quản lý thuế, thì quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết tại Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 đã được đưa lên Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 và nay là Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

Từ thực tiễn triển khai cơ chế APA và các căn cứ pháp lý nêu trên, cần thiết phải xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 201/2013/TT-BTC để hướng dẫn áp dụng cơ chế APA bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết theo tinh thần Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, đồng thời phù hợp với thực tiễn nguồn lực của cơ quan thuế,

đảm bảo cơ chế APA được thực hiện một cách thận trọng, chặt chẽ về mặt pháp lý và mang lại hiệu quả trên thực tế cho các bên tham gia cơ chế này.

II. Đề xuất xây dựng dự thảo Thông tư

1. Về nguyên tắc xây dựng Thông tư

Cơ chế APA tại Việt Nam trước đây được thực hiện theo các hướng dẫn tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC về cơ bản đã được ban hành phù hợp với nguyên tắc của cơ chế này tại Luật Quản lý thuế sửa đổi số 21/2012/QH13, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP và thông lệ quốc tế về việc giải quyết và áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế. Tuy nhiên từ ngày 01/7/2016, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực, theo đó nghiêm cấm hành vi quy định thủ tục hành chính tại Thông tư (trừ trường hợp được Luật giao). Do đó các nội dung tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC trước đây có liên quan đến thủ tục hành chính đã được Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ đưa lên quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Vì vậy, Thông tư thay thế Thông tư số 201/2013/TT-BTC sẽ kế thừa các nội dung tại Thông tư 201/2013/TT-BTC trước đây nhưng được xác định vẫn phù hợp các quy định hiện hành; đồng thời sửa đổi, cập nhật một số nội dung cho phù hợp thực tế triển khai cơ chế này tại Việt Nam trên cơ sở các quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

2. Kết cấu và nội dung chính của Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 15 điều, trong đó:

- Từ Điều 1 đến điều 5 bao gồm các nội dung quy định chung về đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc áp dụng APA;

- Từ Điều 6 đến Điều 9 bao gồm các nội dung được xây dựng để làm rõ các quy định liên quan đến việc tổ chức triển khai cơ chế APA đã được quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, gồm có: Thẩm quyền giải quyết đề nghị áp dụng APA; Thông tin và dữ liệu sử dụng trong việc giải quyết đề nghị áp dụng APA; Phạm vi thẩm định hồ sơ APA; Phạm vi trao đổi, đàm phán APA;

- Từ Điều 10 đến Điều 15 gồm các nội dung quy định về quyền và trách nhiệm của các bên tham gia APA gồm có NNT, cơ quan thuế, các bên liên quan khác; hiệu lực thi thành của APA và hiệu lực thi hành của Thông tư.

So với Thông tư số 201/2013/TT-BTC thì dự thảo Thông tư mới có giảm đi một số điều khoản do các thủ tục hành chính trước đây tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC đã được đưa lên Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Ngoài ra, có một số nội dung nằm tại các Điều khác nhau tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC trước đây nhưng có cùng phạm vi điều chỉnh thì được bố cục sắp xếp lại và đưa

vào cùng một Điều để thuận tiện cho việc tham chiếu. Về cơ bản, phần lớn nội dung tại dự thảo Thông tư mới đã đáp ứng được yêu cầu kế thừa các quy định của Thông tư số 201/2013/TT-BTC còn phù hợp và có cập nhật một số quy định mới để bám sát và tuân thủ các quy định có liên quan tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và dựa trên nghiên cứu có chọn lọc các khuyến nghị, thông lệ, kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai APA. Cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Tại khoản 12 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Chính phủ giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Do đó, phạm vi điều chỉnh của Thông tư là hướng dẫn việc áp dụng cơ chế APA đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và Điều 4. Giải thích từ ngữ

Về cơ bản giữ nguyên nội dung như Thông tư số 201/2013/TT-BTC và có chỉnh lý một số câu chữ cho rõ hơn để đảm bảo không phát sinh nhiều cách hiểu.

Điều 3. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA

Lược bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 201/2013/TT-BTC trước đây do định nghĩa APA và các hình thức APA nay đã được định nghĩa tại khoản 16 Điều 3 Luật Quản lý thuế. Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 201/2013/TT-BTC trước đây được đưa lên Điều 2 dự thảo (Đối tượng áp dụng).

Các sửa đổi chủ yếu tập trung vào nội dung các giao dịch được đề nghị áp dụng APA: Quy định cụ thể các điều kiện của giao dịch liên kết được phép đề nghị áp dụng APA để người nộp thuế rà soát và đề nghị phù hợp.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng APA

Bổ sung nguyên tắc APA được thực hiện trên cơ sở đề nghị áp dụng APA chính thức của NNT cùng với các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết do NNT cung cấp đầy đủ, chính xác theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết hồ sơ APA

Tại khoản 16 Điều 3 Luật Quản lý thuế quy định “APA là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế và người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập cho một thời hạn nhất định”.

Tại khoản 6 Điều 42 Luật Quản lý thuế quy định “Việc áp dụng APA phải được Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện; đối với các APA song phương,

đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế”.

Tại khoản 4 và khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định:

“4. Tổng cục Thuế tiếp nhận đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế và tiến hành thẩm định hồ sơ, trao đổi, đàm phán với người nộp thuế (trong trường hợp APA đơn phương) hoặc với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA.

5. Trên cơ sở kết quả thẩm định, trao đổi, đàm phán với người nộp thuế (trong trường hợp APA đơn phương) hoặc với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA, Tổng cục Thuế xây dựng dự thảo APA và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, tiến hành ký kết APA.

Đối với các thỏa thuận APA song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài, Bộ Tài chính lấy ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về việc ký kết APA theo thủ tục và trình tự ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định pháp luật về việc ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế”.

Căn cứ vào quy định nêu trên thì quy trình thực hiện có khác biệt so với quy định trước đây tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC, cụ thể:

- Trước đây: Bộ Tài chính phê duyệt phương án đàm phán, sau đó Tổng cục Thuế mới thực hiện đàm phán APA với người nộp thuế (trong trường hợp APA đơn phương) hoặc với người nộp thuế và cơ quan thuế đối tác (trong trường hợp APA song phương, đa phương).

- Theo tinh thần mới của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì Bộ Tài chính phê duyệt dự thảo APA cuối cùng do Tổng cục Thuế dự thảo sau khi Tổng cục thuế thực hiện thẩm định, trao đổi, đàm phán.

Do đó, Điều 6 dự thảo Thông tư được xây dựng nhằm làm rõ thẩm quyền của các cơ quan liên quan theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Thông tin, dữ liệu sử dụng trong giải quyết đề nghị áp dụng APA

Theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Luật Quản lý thuế thì cơ sở dữ liệu thương mại được sử dụng để phân tích so sánh, xác định khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn trong việc giải quyết đề nghị APA của người nộp thuế phải là cơ sở dữ liệu thương mại có sự kiểm chứng đảm bảo tính pháp lý. Do đó, ngoài cơ sở dữ liệu do các bên đưa ra thì còn phải đảm bảo có một cơ sở dữ liệu thương mại sử dụng trong xem xét, đàm phán phải do tổ chức kinh doanh thông tin hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực cung cấp thông tin cung cấp, phải được thu thập

từ các nguồn thông tin công khai để cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan có thể kiểm chứng, đối chiếu đảm bảo có căn cứ khi sử dụng trong việc áp dụng cơ chế APA theo quy định của Luật.

Hiện nay, tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP đã có quy định về việc sử dụng về cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của NNT, trong đó có cơ sở dữ liệu thương mại và quy định về thứ tự ưu tiên lựa chọn dữ liệu so sánh trong việc phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập. Do đó để áp dụng thống nhất, đề xuất dự thảo Điều này theo hướng việc sử dụng cơ sở dữ liệu để phân tích so sánh, xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi APA được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP; đồng thời bổ sung điều kiện để đảm bảo thông tin, cơ sở dữ liệu thương mại sử dụng trong cơ chế APA đáp ứng quy định tại Luật Quản lý thuế như nêu trên.

Điều 8. Phạm vi thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng APA và Điều 9. Phạm vi trao đổi, đàm phán nội dung APA

Tại dự thảo Thông tư lần này, các nội dung liên quan đến thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng APA; trao đổi, đàm phán APA được xây dựng để làm rõ phạm vi của các nghiệp vụ này trong quá trình giải quyết đề nghị áp dụng APA, không đưa các nội dung liên quan đến thời hạn giải quyết cụ thể để tránh tạo thành các thủ tục hành chính tại cấp Thông tư, đảm bảo tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, qua nghiên cứu thông lệ các nước đã áp dụng cơ chế này cho thấy do APA là một trong những biện pháp giải quyết tranh chấp, thường liên quan đến nhiều bên, trong trường hợp song, đa phương còn liên quan đến nhiều quốc gia nên việc xác định một thời hạn cụ thể là không phù hợp. Số liệu thống kê cho thấy ngay cả với các nước đã triển khai cơ chế này từ rất lâu nhưng đều có thời hạn giải quyết khá dài (từ khâu thẩm định đến đàm phán). Do đó, ngay cả những quốc gia đã có nhiều kinh nghiệm giải quyết APA cũng không đưa vào luật quy định cụ thể hay cố định thời hạn của các khâu trong quy trình giải quyết APA. Thông tin về thời hạn giải quyết APA của từng quốc gia thường là các số liệu thống kê trên cơ sở các hồ sơ, trường hợp trên thực tế của từng quốc gia và được ghi nhận tại các báo cáo thường niên về cơ chế này của các nước hoặc số liệu thống kê của các tổ chức quốc tế.

Vì vậy, việc không quy định thời hạn cụ thể giải quyết APA tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cũng như tại dự thảo Thông tư hướng dẫn không chỉ phù hợp thực tiễn triển khai cơ chế này tại Việt Nam trong thời gian qua mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế chung.

Điều 10. Việc tham gia của chuyên gia độc lập; Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế; Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế; và Điều 13. Bảo mật thông tin

Các điều này về cơ bản vẫn kế thừa quy định tại Thông tư số 201/2013/TT-BTC và cập nhật các điều khoản tương ứng tại Luật Quản lý thuế mới cho phù hợp quy định hiện hành.

Riêng đối với Điều 11 được cập nhật từ việc tập hợp các nội dung có liên quan nhưng nằm rải rác tại các điều khoản tại Thông tư 201/2013/TT-BTC trước đây để thuận tiện cho người nộp thuế trong việc theo dõi và thực hiện các quyền, trách nhiệm của người nộp thuế khi áp dụng cơ chế APA.

Điều 14. Hiệu lực APA

Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Quản lý thuế thì APA được xác lập trước khi người nộp hồ sơ khai thuế. Tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Chính phủ quy định *“Thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA được thực hiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 3 Luật Quản lý thuế. Đối với các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế nước ngoài, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định”*.

Trên thế giới hiện chưa có một quy chuẩn hay khuyến cáo chính thức về thời hạn có hiệu lực tối đa/tối thiểu của APA các nước nên áp dụng. Một số quốc gia giới hạn thời gian có hiệu lực của APA từ 03 đến 05 năm, một số khác không quy định thời gian cố định mà tùy thuộc vào bản chất thực tế của mỗi đề nghị APA để quyết định.

Do thực tiễn tại Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có APA nào được ký kết và thực hiện nên để theo dõi, đánh giá tính khả thi cũng như tác động tiêu cực (nếu có) của APA có thời gian hiệu lực dài, đề xuất quy định thời gian có hiệu lực của APA là 03 năm, cụ thể như sau:

“APA đã ký kết có hiệu lực trong thời gian tối đa 03 năm kể từ thời điểm có hiệu lực của APA. Thời điểm có hiệu lực của APA được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế”

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Hiệu lực thi hành của Thông tư sẽ được cập nhật tại thời điểm Thông tư được ký và ban hành.

Các nội dung khác

Ngoài các vấn đề chính nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất một số sửa đổi, cập nhật về câu chữ để nội dung quy định tại Thông tư nhất quán với các quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP./_{vv}